TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST Ngày 25/7/2023 V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hồng Vinh;

Bà Phạm Thị Bích Dung;

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*
Bà Nguyễn Thị Trang A, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn X, xã Y, thành phố Z, tỉnh Bình Thuận (Có mặt)
2. *Bị đơn:*

Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn I, xã J, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt – ông T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trang A trình bày:

Bà và ông sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thành phố Z, tỉnh Bình Thuận vào ngày 04/11/2019. Quá trình chung sống đến năm 2022, bà và ông T phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên tham gia nhậu nhẹt với bạn bè, không tu chí làm ăn, quan tâm chăm sóc cho gia đình. Bà góp ý thì ông T kiếm chuyện gây gổ và đánh bà. Từ tháng 8 năm 2022 cho đến

nay, bà và ông T không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống hạnh phúc được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Quốc T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Phạm Thiên D, sinh ngày 12/8/2020. Từ khi vợ chồng không sống chung đến nay, cháu D sống với bà. Do vậy, bà đề nghị giao con chung là Phạm Thiên D cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà đề nghị ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Phạm Quốc T không có khoản nợ chung nào.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2023, bị đơn là ông Phạm Quốc T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Trang A sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thành phố Z, tỉnh Bình Thuận vào ngày 04/11/2019. Quá trình chung sống đến năm 2022, ông và bà A phát sinh mâu thuẫn với nhau. Từ tháng 8/2022 cho đến nay bà A tự ý bỏ nhà về nhà mẹ ruột ở Y sinh sống. Ông và gia đình cũng đã nhiều lần xuống gặp bà A nói chuyện, hòa giải nhưng bà A không đồng ý quay lại. Cho đến nay, ông và bà A không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, chung sống hạnh phúc được nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Trang A. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông và bà Bích có 01 con chung là Phạm Thiên D, sinh ngày 12/8/2020. Từ khi vợ chồng không sống chung đến nay, cháu D sống với bà A. Ông đồng ý để bà A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Phạm Thiên D. Ông yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Nguyễn Thị Trang A không có nợ ai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 73, 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Nguyễn Thị Trang A yêu cầu ly hôn, giao con chung cho nuôi con là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Đơn khởi kiện ghi ngày 30/3/2023 của bà Nguyễn Thị Trang A được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Trang A khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Phạm Quốc T. Người bị kiện là ông Phạm Quốc T có địa chỉ cư trú tại huyện H. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc xét xử vắng mặt: Ông Phạm Quốc T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trang A và ông Phạm Quốc T tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Trang A và ông Phạm Quốc T đều trình bày quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn; từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay, hai đương sự không còn sống chung, mạnh ai nấy sống. Bà Nguyễn Thị Trang A yêu cầu ly hôn, ông Phạm Quốc T cũng đồng ý ly hôn với bà A.

[6] Về yêu cầu ly hôn: Với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có thể xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị Trang A và ông Phạm Quốc T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trang A theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa.

[7] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trang A và ông Phạm Quốc T xác định có 01 con chung là Phạm Thiên D, sinh ngày 12/8/2020. Bà Nguyễn Thị Trang A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thiên D từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay, bà A có nguyện vọng được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con. Ông Phạm Quốc T cũng đồng ý giao con là Phạm Thiên D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thiên D.

[8] Về cấp dưỡng cho con: bà Nguyễn Thị Trang A yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2023, ông Phạm Quốc T đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Tòa án xét thấy mức

cấp dưỡng mà bà A đưa ra là chưa phù hợp, mức cấp dưỡng mà ông T đề nghị ghi nhận là phù hợp với hoàn cảnh.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Trang A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Phạm Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình; Luật thi hành án dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trang A được ly hôn với ông Phạm Quốc T.

2. Về nuôi con:

2.1. Bà Nguyễn Thị Trang A được quyền trực tiếp nuôi con là Phạm Thiên D, sinh ngày 12/8/2020. Bà Nguyễn Thị Trang A có quyền yêu cầu ông Phạm Quốc T hoặc người nào đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý cháu Phạm Thiên D phải giao lại cháu D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Trang A phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013331 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; như vậy, bà Nguyễn Thị Trang A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Phạm Quốc T phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

4. Về kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật*).

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội